

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Công ty : Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không (VNI)
Trụ sở chính : Tầng 15, Tòa Nhà Geleximco, 36 Hoàng cầu, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại : 04.6276 5555
Fax : 04.6276 5556
Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Hoàng Mai
Địa chỉ: P1208, Nhà CT3C- X2 Bắc Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai,
Hà Nội
Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0938.242888
Fax

Loại thông tin công bố: 24h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính Quý IV năm 2017; giải trình chênh lệch kết quả kinh doanh quý IV năm 2017.

Các nội dung nêu trên được đăng tải tại trang thông tin của VNI theo đường dẫn:

: <http://bhhk.com.vn/cong-bo-thong-tin.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2018

Người thực hiện công bố thông tin



Nguyễn Hoàng Mai

Tài liệu gửi kèm:

- Báo cáo tài chính Quý VI năm 2017
- Công văn số 144/BHHK- TCKT về giải trình chênh lệch kết quả kinh doanh quý IV năm 2017

TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU SỐ B 01a-DNPNT

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
1	2			
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,158,969,577,335	860,944,545,290
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	288,665,168,715	294,534,377,663
1. Tiền	111		273,665,168,715	53,534,377,663
2. Các khoản tương đương tiền	112		15,000,000,000	241,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	482,348,485,456	289,559,374,481
1. Đầu tư ngắn hạn	121		482,626,985,996	294,398,842,347
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn(*)	129		(278,500,540)	(4,839,467,866)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		154,230,751,688	106,509,569,042
1. Phải thu của khách hàng	131		149,997,749,860	126,588,282,974
1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1	7	87,316,944,513	59,755,856,440
1.2. Phải thu khác của khách hàng	131.2	8	62,680,805,347	66,832,426,534
2. Trả trước cho người bán	132		1,844,490,800	2,088,086,114
4. Các khoản phải thu khác	136	9	39,819,071,264	16,943,701,142
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi(*)	139	10	(37,430,560,236)	(39,110,501,188)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		17,760,066,814	13,886,581,199
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	17,759,269,533	13,238,813,921
1.1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	151.1		16,258,436,559	12,098,725,498
1.2. Chi phí trả trước chưa phân bổ	151.2		1,500,832,974	1,140,088,423
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		797,281	31,366,782
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	16	-	616,400,496
VIII. Tài sản tái bảo hiểm	190	12	215,965,104,662	156,454,642,905
1. Dự phòng phí, dự phòng toán học nhượng tái bảo hiểm	191		97,271,032,730	70,485,217,921
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192		118,694,071,932	85,969,424,984
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		516,712,903,605	214,214,531,993
I- Các khoản phải thu dài hạn	210	9	10,353,473,938	9,475,031,828
4. Phải thu dài hạn khác	218		10,353,473,938	9,475,031,828
4.1. Ký quỹ bảo hiểm	218.1		7,000,000,000	7,000,000,000
4.2. Phải thu dài hạn khác	218.2		3,353,473,938	2,475,031,828
II. Tài sản cố định	220		7,403,211,853	6,446,926,997
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	6,926,689,093	6,383,236,969
- Nguyên giá	222		22,519,137,136	21,144,068,041
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(15,592,448,043)	(14,760,831,072)
3. Tài sản cố định vô hình	227	14	476,522,760	63,690,028
- Nguyên giá	228		1,750,350,000	1,310,350,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1,273,827,240)	(1,246,659,972)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	6	493,883,696,384	194,314,282,261
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		55,550,000,000	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		438,333,696,384	194,314,282,261
V. Tài sản dài hạn khác	260		5,072,521,430	3,978,290,907
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		5,072,521,430	3,978,290,907
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,675,682,480,940	1,075,159,077,283

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU SỐ B 01a-DNPNT

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A- NỢ PHẢI TRẢ	300		849,918,719,874	559,450,158,399
I. Nợ ngắn hạn	310		849,213,239,181	555,837,959,172
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		79,546,608,317	-
2. Phải trả cho người bán	312		117,398,495,898	89,671,668,395
2.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	312.1	15	112,468,588,484	88,098,456,438
2.2. Phải trả khác cho người bán	312.2		4,929,907,414	1,573,211,957
3. Người mua trả tiền trước	313		7,485,016,730	6,223,838,546
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	10,110,503,765	8,164,329,253
5. Phải trả cho người lao động	315		17,165,078,315	9,917,936,334
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	2,002,061,308	3,961,632,296
9. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	319.1	17	25,842,393,274	7,812,612,599
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		237,751,113	634,719,806
13. Dự phòng nghiệp vụ	329	18	589,425,330,461	429,451,221,943
13.1. Dự phòng phí, dự phòng toán học bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.1		331,418,804,517	240,875,146,511
13.2. Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.2		218,375,852,074	153,700,221,956
13.3. Dự phòng dao động lớn, dự phòng đảm bảo cân đối	329.3		39,630,673,870	34,875,853,476
II. Nợ dài hạn	330		705,480,693	3,612,199,227
3. Phải trả dài hạn khác	333		1,000,000	1,000,000
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		704,480,693	3,611,199,227
B-VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		825,763,761,066	515,708,918,884
Vốn chủ sở hữu	410	19	825,763,761,066	515,708,918,884
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		800,000,000,000	500,000,000,000
9. Quỹ dự trữ bắt buộc	419		10,962,406,251	10,183,387,577
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		14,801,354,815	5,525,531,307
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,075,682,480,940	1,075,159,077,283

Nguyễn Thị Thu Hương
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2018

Nguyễn Hoàng Mai
Kế toán trưởngNguyễn Thành Quang
Phó Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 4 cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU SỐ B 02a-DNPNT

Đơn vị: VND

PHẦN I: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Chỉ tiêu	Mã số	Quý 4 năm 2017	Quý 4 năm 2016 (Phân loại lại)	Lũy kế đầu năm đến cuối quý 4/2017	Lũy kế đầu năm đến cuối quý 4/2016
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	154,001,115,633	93,739,728,287	460,056,596,341	289,250,751,546
3. Doanh thu hoạt động tài chính	12	43,720,428,981	27,365,063,961	89,799,090,413	58,887,910,146
4. Thu nhập khác	13	166,404,778	23,004,647	909,590,682	128,865,713
5. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	133,592,577,195	88,597,963,322	450,231,025,349	279,340,230,548
6. Giá vốn bất động sản đầu tư	21	-	-	-	-
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	1,112,173,902	4,810,995,593	3,948,736,202	11,372,723,725
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	37,316,983,295	24,415,298,707	77,527,170,804	52,096,449,041
9. Chi phí khác	24	73,361,176	(723,952,238)	364,245,080	(679,779,005)
10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=10+11+12+13-20-21-22-23-24)	50	25,792,853,824	4,027,491,511	18,694,100,001	6,137,903,096
11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	3,014,871,226	(25,526,789)	3,113,726,512	321,554,352
12. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52				
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60	22,777,982,598	4,053,018,300	15,580,373,489	5,816,348,744

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)

Quý 4 cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU SỐ B 02a-DNPNT

Đơn vị: VND

PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 4 năm 2017	Quý 4 năm 2016 (Phân loại lại)	Lũy kế đầu năm đến cuối quý 4/2017	Lũy kế đầu năm đến cuối quý 4/2016
1. Doanh thu phí bảo hiểm (01=01.1+01.2-01.3)	1	20	175,740,556,082	111,184,857,860	582,622,358,625	415,296,916,249
- Phí bảo hiểm gốc	1.1		197,969,629,569	136,661,193,300	637,722,000,008	462,313,723,074
- Phí nhận tái bảo hiểm	1.2		10,297,562,876	7,842,733,940	35,444,016,623	30,295,177,116
- Tăng(giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	1.3		32,526,636,363	33,319,069,380	90,543,658,006	77,311,983,941
2. Phí nhượng tái bảo hiểm(02=02.1-02.2)	2	21	44,616,864,619	26,846,993,188	170,900,889,999	147,671,963,602
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	2.1		61,771,429,835	30,790,413,743	197,686,704,808	148,178,278,319
- Tăng (giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	2.2		17,154,565,216	3,943,420,555	26,785,814,809	506,314,717
3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03=01-02)	3		131,123,691,463	84,337,864,672	411,721,468,626	267,624,952,647
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04=04.1+04.2)	4		22,877,424,170	9,401,863,615	48,335,127,715	21,625,798,899
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	4.1		19,586,476,874	4,488,539,040	44,555,328,668	16,009,267,089
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	4.2		3,290,947,296	4,913,324,575	3,779,799,047	5,616,531,810
5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10=03+04)	10		154,001,115,633	93,739,728,287	460,056,596,341	289,250,751,546
6. Chi bồi thường (11.1-11.2)	11		63,165,394,183	30,359,767,925	190,614,743,425	99,789,513,717
- Tổng chi bồi thường	11.1		63,165,394,183	30,359,767,925	190,614,743,425	99,789,513,717
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12		20,136,135,540	3,544,704,726	55,823,179,538	24,696,073,354
8. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận TBH	13		36,388,898,174	(3,066,806,411)	64,675,630,118	63,353,179,610
9. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14		31,615,271,023	(8,339,164,691)	32,724,646,948	37,738,283,629
10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15= 11-12+13-14)	15	22	47,802,885,794	32,087,421,479	166,742,547,057	100,708,336,344
11. Tăng (giảm) dự phòng dao động lớn	16		1,464,957,583	1,137,135,097	4,754,820,394	3,444,303,191
12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm(17=17.1+17.2)	17	23	84,324,733,818	55,373,406,746	278,733,657,898	175,187,591,013
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		8,100,766,545	5,637,804,479	28,834,995,653	21,019,372,161
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		76,223,967,273	49,735,602,267	249,898,662,245	154,168,218,852
13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18=15+16+17)	18		133,592,577,195	88,597,963,322	450,231,025,349	279,340,230,548
14. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19=10-18)	19		20,408,538,438	5,141,764,965	9,825,570,992	9,910,520,998

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)**

Quý 4 cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU SỐ B 02a-DNPNT
Đơn vị: VND**PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)**

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 4 năm 2017	Quý 4 năm 2016 (Phân loại lại)	Lũy kế đầu năm đến cuối quý 4/2017	Lũy kế đầu năm đến cuối quý 4/2016
18. Doanh thu hoạt động tài chính	23	24	43,720,428,981	27,365,063,961	89,799,090,413	58,887,910,146
19. Chi phí hoạt động tài chính	24	25	1,112,173,902	4,810,995,593	3,948,736,202	11,372,723,725
20. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25=23-24)	25		42,608,255,079	22,554,068,368	85,850,354,211	47,515,186,421
21. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	37,316,983,295	24,415,298,707	77,527,170,804	52,096,449,041
22. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh	30		25,699,810,222	3,280,534,626	18,148,754,399	5,329,258,378
23. Thu nhập khác	31		166,404,778	23,004,647	909,590,682	128,865,713
24. Chi phí khác	32		73,361,176	(723,952,238)	364,245,080	(679,779,005)
25. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		93,043,602	746,956,885	545,345,602	808,644,718
26. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		25,792,853,824	4,027,491,511	18,694,100,001	6,137,903,096
27. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	3,014,871,226	(25,526,789)	3,113,726,512	321,554,352
29. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50- 51-52)	60		22,777,982,598	4,053,018,300	15,580,373,489	5,816,348,744


Nguyễn Thị Thu Hương
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2018


Nguyễn Hoàng Mai
Kế toán trưởng

Nguyễn Thành Quang
Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Quý 4 cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU SỐ B 03a-DNPNT

Đơn vị: VND

Chi tiêu	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4	
		2017	2016 (Phân loại lại)
I	2	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	999,560,421,514	596,279,394,146
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2	(848,642,710,400)	(462,677,558,362)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(99,550,708,833)	(64,756,508,924)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	(173,333,333)	(2,956,784,988)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5	(224,114,013)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	332,119,919,312	375,389,759,647
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(395,822,350,799)	(413,494,773,777)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(12,732,876,552)	27,783,527,742
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2,579,166,009)	(4,416,338,182)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	562,795,454	4,000,111
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(824,055,500,000)	(585,595,327,566)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	714,796,106,806	821,150,214,843
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(282,495,000,000)	(192,324,282,261)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	26,226,141,532	41,710,466,476
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(367,544,622,217)	80,528,733,421
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	300,000,000,000	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	99,546,608,317	90,000,000,000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(20,000,000,000)	(90,000,000,000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5,200,000,000)	(26,000,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	374,346,608,317	(26,000,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(5,930,890,452)	82,312,261,163
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	294,534,377,663	212,146,243,133
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá	61	61,681,504	75,873,367
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	288,665,168,715	294,534,377,663

Nguyễn Thị Thu Hương

Nguyễn Thị Thu Hương
Người lập biểu

Nguyễn Hoàng Mai

Nguyễn Hoàng Mai
Kế toán trưởng



Nguyễn Thành Quang
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2018

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không là doanh nghiệp cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 49 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp lần đầu ngày 23 tháng 4 năm 2008 và các Giấy phép điều chỉnh. Theo Giấy phép điều chỉnh số 49/GPDDC15/KDBH, từ ngày 01 tháng 7 năm 2016, Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không đổi tên thành Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không (gọi tắt là "Tổng Công ty"). Vốn điều lệ của Tổng Công ty Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 800 tỷ VND.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 731 người (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 517 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty gồm kinh doanh dịch vụ bảo hiểm và kinh doanh dịch vụ tài chính

Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Tổng Công ty là kinh doanh dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, các nghiệp vụ về tái bảo hiểm và đầu tư tài chính.

Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 15, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội và hai mươi chín (29) Công ty trực thuộc, bao gồm: Công ty Bảo hiểm Hàng không Hà Nội, Công ty Bảo hiểm Hàng không Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Bảo hiểm Hàng không Đà Nẵng, Công ty Bảo hiểm Hàng không Nghệ An, Công ty Bảo hiểm Hàng không Hải Phòng, Công ty Bảo hiểm Hàng không Hải Dương, Công ty Bảo hiểm Hàng không Tây Nguyên, Công ty Bảo hiểm Hàng không Nam Hồng Hà, Công ty Bảo hiểm Hàng không Thăng Long, Công ty Bảo hiểm Hàng không Quảng Ninh, Công ty Bảo hiểm Hàng không Đông Đô, Công ty Bảo hiểm Hàng không Quảng Bình, Công ty Bảo hiểm Hàng không Bắc Giang, Công ty Bảo hiểm Hàng không Thanh Hóa, Công ty Bảo hiểm Hàng không Vĩnh Phúc, Công ty Bảo hiểm Hàng không Bình Định, và Công ty Bảo hiểm Hàng không Đông Nam Bộ, Công ty Bảo hiểm Hàng không Sài Gòn, Công ty Bảo hiểm Hàng không Khánh Hòa, Bảo hiểm Hàng không Nam Tây Nguyên, Bảo hiểm Hàng không Quảng Ngãi, Bảo hiểm Hàng không Thủ đô, VNI Tây Nam Bộ, VNI Tân Sơn Nhất, VNI Thành Đô, VNI Bến Thành, VNI Long An và Sở Giao dịch, VNI Thái Nguyên.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 tới ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Tổng Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính giả, định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm và tài sản tài chính khác.

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý tài sản tài chính của Tổng Công ty do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Ghi nhận ban đầu (Tiếp theo)

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác và dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Tổng Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017
	(Năm)
Phương tiện vận tải	8
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính. Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 5 năm.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Dự phòng nghiệp vụ

Năm 2017, Tổng Công ty đã thực hiện việc trích lập dự phòng nghiệp vụ theo quy định tại Điều 96 Luật Kinh doanh Bảo hiểm và Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ, Thông tư số 50/2017/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 5 năm 2017 và Thông tư số 232/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 12 năm 2012, theo đó:

Dự phòng phí chưa được hưởng:

- Các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn bảo hiểm từ 1 năm trở xuống:

Dự phòng phí gốc và nhận tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm trừ đi các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí nhượng tái đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

- Các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn bảo hiểm trên 1 năm các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ:

Dự phòng phí gốc và nhận tái bảo hiểm được tính theo phương pháp trích lập dự phòng phí theo từng ngày phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm trừ đi các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm.

Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm được tính theo phương pháp trích lập dự phòng phí theo từng ngày phí nhượng tái bảo hiểm.

Dự phòng toán học: áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe có thời hạn trên 01 năm.

Dự phòng toán học gốc và nhận tái bảo hiểm được tính theo phương pháp trích lập dự phòng theo từng ngày phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm trừ đi các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm.

Dự phòng toán học nhượng tái bảo hiểm được tính theo phương pháp trích lập dự phòng theo từng ngày phí nhượng tái bảo hiểm.

Dự phòng bồi thường: Đối với các tổn thất đã thông báo, được Tổng Công ty thực hiện trích lập theo phương pháp từng hồ sơ đối với các tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm khách hàng đã khiếu nại nhưng chưa giải quyết. Mức trích lập dựa trên ước tính tổn thất phát sinh, bao gồm phần trách nhiệm của Tổng Công ty và phần phải thu đòi nhà tái.

Đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo (IBNR), Tổng Công ty trích lập dự phòng bồi thường gốc và nhận tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 3% doanh thu phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 3% phí nhượng tái bảo hiểm theo từng nghiệp vụ bảo hiểm.

Dự phòng dao động lớn: Mức trích dự phòng dao động lớn được áp dụng thống nhất đối với các loại hình nghiệp vụ phi nhân thọ là 1% phí giữ lại và được trích cho đến khi bằng 100% phí giữ lại.

Dự phòng đảm bảo cân đối: Mức trích dự phòng đảm bảo cân đối được áp dụng thống nhất đối với các loại hình nghiệp vụ sức khỏe là 1% phí giữ lại và được trích cho đến khi bằng 100% phí giữ lại.

Ký quỹ bảo hiểm

Tổng Công ty phải ký quỹ bảo hiểm bằng 2% vốn pháp định, khoản ký quỹ này được hưởng lãi theo thỏa thuận với ngân hàng nơi ký quỹ và được thu hồi khi chấm dứt hoạt động. Tiền ký quỹ chỉ được sử dụng để đáp ứng các cam kết đối với bên mua bảo hiểm khi khả năng thanh toán bị thiếu hụt và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Đối với nghiệp vụ bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15/05/2017 của Bộ Tài Chính. Cụ thể, doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi đáp ứng các điều kiện sau: (1) hợp đồng đã được giao kết giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm và (2) bên mua bảo hiểm đã trả phí bảo hiểm hoặc có thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm nợ phí bảo hiểm nhưng không quá 30 ngày kể từ ngày hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực. Riêng khoản phí bảo hiểm của kỳ đóng phí bảo hiểm đầu tiên (đối với trường hợp đóng phí theo kỳ) được hạch toán khi bắt đầu thời hạn bảo hiểm.

Đối với nghiệp vụ tái bảo hiểm

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh trách nhiệm, theo số phát sinh dựa trên bảng thông báo tái bảo hiểm của các nhà nhượng tái bảo hiểm gửi cho Tổng Công ty và được xác nhận bởi Tổng Công ty.

Tổng Công ty ghi nhận phí nhượng tái bảo hiểm trên cơ sở số phí phải nhượng cho các nhà tái bảo hiểm, tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm gốc đã ghi nhận trong kỳ.

Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận đồng thời với phí nhượng tái bảo hiểm phát sinh. Trong năm, toàn bộ doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được phản ánh vào khoản mục "Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm". Cuối kỳ kế toán, Tổng Công ty phải xác định doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng tương ứng với khoản phí nhượng tái bảo hiểm chưa được ghi nhận trong kỳ để chuyển sang phân bổ vào các kỳ sau theo tỷ lệ 25% đối với loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và 50% đối với loại hình bảo hiểm khác.

Đối với các hoạt động khác

Doanh thu từ các hoạt động khác của Tổng Công ty như lãi tiền gửi ngân hàng, cổ phiếu, trái phiếu, được ghi nhận khi phát sinh.

Ghi nhận chi phí

Chi phí bồi thường bảo hiểm gốc được ghi nhận trên cơ sở phát sinh khi Tổng Công ty chấp thuận bồi thường theo thông báo bồi thường.

Các khoản chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh, trên cơ sở bảng thông báo tái của các nhà tái bảo hiểm gửi cho Tổng Công ty và Tổng Công ty chấp thuận bồi thường.

Các khoản thu đòi bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở phát sinh theo số phải thu tương ứng với chi phí bồi thường đã ghi nhận trong năm và tỷ lệ nhượng tái.

Chi phí hoa hồng bảo hiểm và các chi phí khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh. Trong kỳ, toàn bộ chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm được phản ánh vào khoản mục "Chi phí hoa hồng bảo hiểm gốc" và "Chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm". Cuối kỳ kế toán, Tổng Công ty phải xác định chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm chưa được tính vào chi phí kỳ này tương ứng với khoản phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng kỳ này để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau theo tỷ lệ 25% đối với loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và 50% đối với loại hình bảo hiểm khác.

Các chi phí khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Trong kỳ, do không có các khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào nên Tổng Công ty không phản ánh khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào trên báo cáo tài chính này.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối quý VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt tại quỹ	1,968,256,790	1,454,354,116
Tiền gửi ngân hàng	271,696,911,925	52,080,023,547
Các khoản tương đương tiền (i)	15,000,000,000	241,000,000,000
	288,665,168,715	294,534,377,663

(i) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư tại các ngân hàng thương mại trong nước.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B 09a-DNPNT

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2017		31/12/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Đầu tư ngắn hạn	482,626,985,996	482,348,485,456	(278,500,540)	294,398,842,347
a) Chứng khoán kinh doanh	11,126,985,996	10,848,485,456	(278,500,540)	38,398,842,347
- Tổng giá trị cổ phiếu	11,126,985,996	10,848,485,456	(278,500,540)	38,398,842,347
b) Đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn	471,500,000,000	471,500,000,000	-	256,000,000,000
- Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn (i)	471,500,000,000	471,500,000,000	-	220,000,000,000
- Trái phiếu	-	-	-	36,000,000,000
Đầu tư dài hạn	493,883,696,384	493,883,696,384	-	194,314,282,261
a) Đầu tư dài hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn	14,000,000,000	14,000,000,000	-	-
b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	479,883,696,384	479,883,696,384	-	194,314,282,261
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (ii)	55,550,000,000	55,550,000,000	-	-
- Đầu tư vào đơn vị khác (iii)	1,990,000,000	1,990,000,000	-	1,990,000,000
- Các khoản đầu tư mua cổ phiếu OTC (iv)	422,343,696,384	422,343,696,384	-	192,324,282,261

(i) Phản ánh các khoản tiền gửi có thời hạn gốc trên 3 tháng và thời gian đáo hạn còn lại đến 12 tháng kể từ ngày lập báo cáo tài chính tại các ngân hàng thương mại trong nước.

(ii) Thể hiện khoản đầu tư góp vốn vào Tổng Công ty Vật tư Nông nghiệp với số tiền: 55,550,000,000 VND tương đương tỷ lệ góp vốn 25% vốn điều lệ.

(iii) Thể hiện khoản góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô, số tiền 1.990.000.000 VND (tỷ lệ sở hữu tương đương 3,3% vốn điều lệ) với thời hạn năm giữ trên 01 năm.

(iv) Thể hiện khoản đầu tư mua cổ phiếu của các công ty: khoản đầu tư mua 2.751.200 cổ phiếu OTC của Tổng Công ty Cổ phần Cơ điện Thống Nhất với số tiền 131,945,681,850 VND (tỷ lệ sở hữu 19,24%); khoản đầu tư mua 1.276.365 cổ phiếu OTC của Công ty CP Armephaco với số tiền 57.898.014.5345 VND (tỷ lệ sở hữu 9,82%), khoản đầu tư mua 4.650.000 cổ phiếu OTC của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủ công Mỹ Nghệ với số tiền: 232,500,000,000 đồng (tỷ lệ sở hữu 9,19%).
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đông Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***7. PHẢI THU VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM**

	Số cuối quý VND	Số đầu năm VND
a) Phải thu phí bảo hiểm gốc	49,563,593,649	35,019,219,495
Trong đó:		
- Phải thu của bên mua bảo hiểm	30,729,601,800	20,672,776,109
- Phải thu phí của các doanh nghiệp đồng bảo hiểm:	18,833,991,849	14,346,443,386
+ Công ty bảo hiểm PVI	16,794,260,937	13,602,438,371
+ Công ty bảo hiểm khác	2,758,440,252	744,005,015
b) Phải thu hoạt động nhận tái bảo hiểm	14,106,771,921	12,363,189,378
c) Phải thu hoạt động nhượng tái bảo hiểm	21,902,725,189	10,910,255,353
d) Phải thu bồi thường từ các doanh nghiệp đồng bảo	791,476,396	768,606,615
e) Phải thu khác	952,377,358	694,585,599
	87,316,944,513	59,755,856,440

8. PHẢI THU KHÁC CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối quý VND	Số đầu năm VND
Phải thu lãi tiền gửi tại các tổ chức tín dụng chưa đến ngày đáo hạn	15,362,911,094	17,980,933,329
Phải thu lãi trái phiếu Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	-	1,904,400,000
Phải thu gốc và lãi trái phiếu Công ty Cổ Phần Sông Đà - Thăng Long (i)	43,155,858,321	46,662,595,121
Phải thu khác	4,162,035,932	284,498,084
	62,680,805,347	66,832,426,534

(i) Thể hiện khoản gốc và lãi phải thu của khoản đầu tư trái phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long, trái phiếu có thời hạn 3 năm, bắt đầu từ ngày 19 tháng 10 năm 2009 và đáo hạn vào ngày 19 tháng 10 năm 2012. Tổng mệnh giá ban đầu của số trái phiếu này là 50.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty chưa thu hồi được khoản tiền gốc và lãi với giá trị lần lượt là 26.744.374.169 VND và 16.411.484.152 VND. Tổng Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng (Thuyết minh số 10).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối quý VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn	39,819,071,264	16,943,701,142
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	68,106,133	158,591,491
Tạm ứng cho cán bộ	1,454,871,118	16,469,262,400
Công ty TNHH MTV Phát triển nhà Đa Phước (i)	14,625,000,000	
Công ty Cổ phần Cơ khí điện tử T&T (ii)	23,277,260,274	
Khác	393,833,739	315,847,251
b) Dài hạn	10,353,473,938	9,475,031,828
Ký quỹ bảo hiểm	7,000,000,000	7,000,000,000
Cầm cố, ký quỹ, ký cược khác	3,353,473,938	2,475,031,828
	50,172,545,202	26,418,732,970

(i) Thể hiện khoản tiền lãi do Công ty TNHH MTV Phát triển nhà Đa Phước trả cho Hợp đồng hợp tác kinh "Khai thác Dự án Khu đô thị mới Quốc tế Đa Phước" số 01/2017/HĐHT/ĐP-VNI giữa Công ty TNHH MTV Phát triển nhà Đa Phước và Tổng Công ty ngày 11 tháng 01 năm 2017. Số tiền gốc Tổng công ty đã thu hồi vào ngày 28 và 29 tháng 12 năm 2017.

(ii) Thể hiện khoản tiền 23.000.000.000 VND chuyển tiền cho Công ty Cổ phần Cơ khí điện tử T&T và khoản lợi nhuận hợp tác ước tính 277.260.274 VND theo Hợp tác hợp tác kinh doanh khai thác "Dự án Tổ hợp văn phòng, nhà ở và dịch vụ thương mại" số 01/2017/HĐHT/CKĐT-VNI giữa Công ty cổ phần cơ khí điện tử T&T và Tổng Công ty ngày 23/11/2017. Theo thỏa thuận, lợi nhuận hợp tác được căn cứ vào tình hình triển khai và khai thác dự án thực tế nhưng Công ty cổ phần cơ khí điện tử T&T đảm bảo mức chi trả lợi nhuận hợp tác tối thiểu 10,00%/năm tính trên số tiền hợp tác, tính theo số ngày thực tế mà Công ty cổ phần cơ khí điện tử T&T nắm giữ số tiền hợp tác do Tổng Công ty chuyển. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty đang ghi nhận lợi nhuận hợp tác ước tính vào doanh thu tài chính trong kỳ dựa trên mức lợi nhuận hợp tác tối thiểu là 10%/năm với số tiền là 277.260.274 đồng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***10. NỢ XẤU**

	31/12/2017		31/12/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	47,722,858,960	37,430,560,236	55,738,643,071	39,110,501,188
Công ty cổ phần Sông Đà - Thăng Long	43,155,858,321	33,272,401,590	46,662,595,121	33,272,401,590
Các đối tượng khác	4,567,000,639	4,158,158,646	9,076,047,950	5,838,099,598

Chi tiết các đối tượng khác theo thời gian quá hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017:

	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	Từ 3 năm trở lên	Cộng nợ
Phí bảo hiểm gốc	241,786,683	178,891,198	389,726,950	3,601,530,476	4,411,935,307
Phải thu tái bảo hiểm	31,772,297	(14,468,174)	60,737,033	77,024,176	155,065,332
Cộng	273,558,980	164,423,024	450,463,983	3,678,554,652	4,567,000,639

Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp, nợ xấu là các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty chưa xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đông Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính Quý 4
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ		
Số dư đầu năm	12,098,725,498	8,692,614,003
Chi phí hoa hồng chưa phân bổ phát sinh trong năm	16,258,436,559	12,098,725,498
Chi phí hoa hồng đã phân bổ vào chi phí trong năm	(12,098,725,498)	(8,692,614,003)
Số dư cuối kỳ	16,258,436,559	12,098,725,498
2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác	Số cuối quý	Số cuối năm
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	1,500,832,974	1,140,088,423
	1,500,832,974	1,140,088,423
	17,759,269,533	13,238,813,921

12. TÀI SẢN TÁI BẢO HIỂM

	Số cuối quý VND	Số đầu năm VND
1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	97,271,032,730	70,485,217,921
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	118,694,071,932	85,969,424,984
	215,965,104,662	156,454,642,905

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư tại ngày 01/01/2017	10,378,055,050	10,766,012,991	21,144,068,041
Tăng trong kỳ	1,387,650,909	1,087,470,100	2,475,121,009
Giảm trong kỳ	(1,100,051,914)	-	(1,100,051,914.0)
Số dư tại ngày 31/12/2017	10,665,654,045	11,853,483,091	22,519,137,136
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư tại ngày 01/01/2017	5,419,560,152	9,341,270,920	14,760,831,072
Khấu hao trong kỳ	1,153,218,803	753,239,236	1,906,458,039
Giảm trong kỳ	(1,074,841,068)	-	(1,074,841,068)
Số dư tại ngày 31/12/2017	5,497,937,887	10,094,510,156	15,592,448,043
Giá trị còn lại			
Số dư tại ngày 01/01/2017	4,958,494,898	1,424,742,071	6,383,236,969
Số dư tại ngày 31/12/2017	5,167,716,158	1,758,972,935	6,926,689,093

C
P
H
Á

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đông Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy vi tính, website VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá		
Số dư tại ngày 01/01/2017	1,310,350,000	1,310,350,000
Tăng trong kỳ	440,000,000	440,000,000
Số dư tại ngày 31/12/2017	0	0
Số dư tại ngày 31/12/2017	1,750,350,000	1,750,350,000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư tại ngày 01/01/2017	1,246,659,972	1,246,659,972
Tăng trong kỳ	27,167,268	27,167,268
Giảm trong kỳ		0
Số dư tại ngày 31/12/2017	1,273,827,240	1,273,827,240
Giá trị còn lại		
Số dư tại ngày 01/01/2017	63,690,028	63,690,028
Số dư tại ngày 31/12/2017	476,522,760	476,522,760

15. PHẢI TRẢ VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

	Số cuối quý VND	Số đầu năm VND
a) Phải trả phí nhượng tái bảo hiểm	92,258,968,847	73,070,437,432
<i>Công ty Willis Singapore</i>	34,433,487,443	41,313,008,694
<i>Công ty Willis London</i>	14,793,183,763	15,750,938,355
<i>Công ty Korean Re</i>	15,408,382,525	
<i>AON Benfield Asia PTE Ltd</i>	9,006,396,268	
<i>Các công ty bảo hiểm khác</i>	18,617,518,848	16,006,490,383
b) Phải trả doanh nghiệp tham gia đồng bảo hiểm	2,519,453,191	2,585,976,276
c) Phải trả bồi thường bảo hiểm	14,114,149,667	7,147,663,180
<i>Tổng công ty bảo hiểm Xuân Thành</i>	1,907,528,152	0
<i>Tổng công ty tái bảo hiểm Việt Nam</i>	4,844,989,478	3,047,289,808
<i>Các khách hàng, công ty bảo hiểm khác</i>	7,361,632,037	4,100,373,372
d) Phải trả hoa hồng bảo hiểm	2,143,703,514	1,881,801,729
e) Phải trả khác	1,432,313,265	3,412,577,821
	112,468,588,484	88,098,456,438

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số cuối quý VND	Số đầu năm VND
a. Số phải thu	-	616,400,496
Thuế thu nhập doanh nghiệp		616,400,496
b. Số phải trả	10,110,503,765	8,164,329,253
Thuế giá trị gia tăng	7,084,938,484	7,153,876,158
Thuế thu nhập cá nhân	352,011,654	364,543,053
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,813,440,979	
Thuế khác	23,781,080	(500,000)
Thuế, phí phải nộp khác	836,331,568	646,410,042

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
(1) Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng		
Số dư đầu kỳ	7,812,612,599	5,861,510,364
- Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng phát sinh trong năm	25,842,393,274	7,812,612,599
- Doanh thu hoa hồng đã phân bổ vào thu nhập trong năm	(7,812,612,599)	(5,861,510,364)
Số dư cuối kỳ	<u>25,842,393,274</u>	<u>7,812,612,599</u>
(2) Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Số cuối quý	Số đầu năm
Phải trả Bảo hiểm xã hội	153,295,859	71,771,138
Phải trả Bảo hiểm y tế	19,925,986	9,445,751
Phải trả kinh phí Công đoàn	501,323,487	261,503,839
Phải trả cho các cổ đông	214,413,900	214,413,900
Phải trả khác	1,113,102,076	3,404,497,668
	<u>2,002,061,308</u>	<u>3,961,632,296</u>
	<u>27,844,454,582</u>	<u>11,774,244,895</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ**

Đơn vị: VND

	31/12/2017		
	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần
	1	2	3=1-2
1. Dự phòng bồi thường	218,375,852,074	118,694,071,932	99,681,780,142
Trong đó:			
- Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết.	198,180,871,575	112,763,470,788	85,417,400,787
- Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo IBNR	20,194,980,499	5,930,601,144	14,264,379,355
2. Dự phòng phí chưa được hưởng, dự phòng toán học	331,418,804,517	97,271,032,730	234,147,771,787
Cộng	549,794,656,591	215,965,104,662	333,829,551,929

Trong đó chi tiết:

1. Dự phòng bồi thường	Từ ngày 01/01/2017 đến 31/12/2017		
	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần
	1	2	3=1-2
Số dư tại ngày 01/01/2017	153,700,221,956	85,969,424,984	67,730,796,972
Số trích lập thêm/(hoàn nhập) trong năm	64,675,630,118	32,724,646,948	31,950,983,170
Lãi năm 2017	218,375,852,074	118,694,071,932	99,681,780,142

2. Dự phòng phí chưa được hưởng, dự phòng toán học

	Từ ngày 01/01/2017 đến 31/12/2017		
	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần
	1	2	3=1-2
Số dư tại ngày 01/01/2017	240,875,146,511	70,485,217,921	170,389,928,590
Số trích lập thêm/(hoàn nhập) trong năm	90,543,658,006	26,785,814,809	63,757,843,197
Số dư tại ngày 31/12/2017	331,418,804,517	97,271,032,730	234,147,771,787

3. Dự phòng dao động lớn và đảm bảo cân đối

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Số dư đầu kỳ	34,875,853,476	31,431,550,285
Số trích lập thêm/(hoàn nhập) trong năm	4,754,820,394	3,444,303,191
Số dư cuối kỳ	39,630,673,870	34,875,853,476

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn điều lệ VND	Dự trữ bắt buộc VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân VND	Tổng cộng VND
<i>Cho năm tài chính kết thúc 31/12/2016</i>				
Số dư tại 01/01/2016	500,000,000,000	9,892,570,140	5,951,896,171	515,844,466,311
Chi trả cổ tức cho cổ đông			(5,500,000,000)	(5,500,000,000)
Thưởng cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát				-
Lợi nhuận năm 2016			5,816,348,744	5,816,348,744
Trích quỹ dự trữ bắt buộc (i)		290,817,437	(290,817,437)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi			(451,896,171)	(451,896,171)
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi(*)				-
Số dư tại 31/12/2016	500,000,000,000	10,183,387,577	5,525,531,307	515,708,918,884
<i>Cho năm tài chính kết thúc 31/12/2017</i>				
Số dư tại 01/01/2017	500,000,000,000	10,183,387,577	5,525,531,307	515,708,918,884
Chi trả cổ tức cho cổ đông			(5,200,000,000)	(5,200,000,000)
Thưởng cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát				-
Lãi năm 2017			15,580,373,489	15,580,373,489
Trích quỹ dự trữ bắt buộc (i)		779,018,674	(779,018,674)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi			(325,531,307)	(325,531,307)
Tăng vốn chủ sở hữu (ii)	300,000,000,000			300,000,000,000
Số dư tại 31/12/2017	800,000,000,000	10,962,406,251	14,801,354,815	825,763,761,066

(i) Quỹ dự trữ bắt buộc được trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp với tỷ lệ là 5% cho tới khi bằng 10% vốn điều lệ theo quy định tại Điều 77, Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016.

(ii) Ngày 16/05/2017 Tổng công ty đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ thêm 300 tỷ đồng, nâng tổng số vốn điều lệ của Tổng công ty lên 800 tỷ đồng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đông Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM**

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016 VND
Thu phí bảo hiểm gốc	637,887,666,199	462,652,481,150
Bảo hiểm hàng không	48,951,098,377	87,436,166,236
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	35,066,054,382	19,315,342,954
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	44,379,354,371	28,209,370,208
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	22,593,792,913	21,331,997,838
Bảo hiểm xe cơ giới	446,534,234,090	276,103,117,724
Bảo hiểm cháy, nổ	29,964,550,141	19,759,615,858
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	5,391,743,621	4,246,799,914
Bảo hiểm trách nhiệm chung	4,811,557,042	6,177,437,338
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	195,281,262	72,633,080
Các khoản giảm phí bảo hiểm gốc	(165,666,191)	(338,758,076)
Phí nhận tái bảo hiểm	35,514,999,597	30,455,724,714
Bảo hiểm hàng không	(715,221,363)	46,002,505
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	14,802,071,300	10,223,565,418
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	13,009,918,028	13,646,265,888
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	201,944,063	395,897,223
Bảo hiểm xe cơ giới	-	-
Bảo hiểm cháy, nổ	2,739,475,266	4,443,545,319
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	5,258,623,026	1,558,015,749
Bảo hiểm trách nhiệm chung	182,914,348	84,642,949
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	35,274,929	57,789,663
Các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm (Giảm phí, hoàn phí nhận tái bảo hiểm)	(70,982,974)	(160,547,598)
(Tăng)/giảm dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm Cộng	(90,543,658,006)	(77,311,983,941)
	582,622,358,625	415,296,916,249

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đông Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM**

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016 VND
Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	197,686,704,808	148,178,278,319
Bảo hiểm hàng không	46,753,911,397	84,412,969,894
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	(140,725,301)	273,068,806
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	27,622,551,231	21,533,228,589
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	12,412,908,280	14,415,685,109
Bảo hiểm xe cơ giới	83,003,147,607	4,277,969,446
Bảo hiểm cháy, nổ	23,861,992,939	18,042,409,550
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	2,194,777,854	2,741,087,198
Bảo hiểm trách nhiệm chung	1,799,012,218	2,395,278,204
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	179,128,583	86,581,523
(Tăng)/giảm dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm Cộng	(26,785,814,809)	(506,314,717)
	170,900,889,999	147,671,963,602

22. TỔNG CHI BỒI THƯỜNG BẢO HIỂM

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016 VND
Chi bồi thường	190,614,743,425	99,789,513,717
Bảo hiểm hàng không	30,073,011,577	16,888,352,153
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	15,623,236,995	6,211,601,787
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	10,672,348,342	5,839,544,474
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	4,394,060,833	2,115,688,773
Bảo hiểm xe cơ giới	124,008,547,078	60,162,986,788
Bảo hiểm cháy, nổ	2,352,121,542	4,098,493,617
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	2,710,508,647	4,150,367,851
Bảo hiểm trách nhiệm chung	614,522,596	322,478,274
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(55,823,179,538)	(24,696,073,354)
Tăng/(giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	64,675,630,118	63,353,179,610
(Tăng)/giảm dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm Cộng	(32,724,646,948)	(37,738,283,629)
	166,742,547,057	100,708,336,344

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đông Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. CHI KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM**

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016 (Phân loại lại)
	VND	VND
Chi hoa hồng bảo hiểm	28,834,995,653	21,019,372,161
Chi đòi người thứ 3	15,992,839	12,615,000
Chi đánh giá rủi ro của đối tượng bảo hiểm	412,037,188	22,718,856
Chi đề phòng hạn chế rủi ro, tổn thất	1,179,179,411	1,363,465,615
Chi phí liên quan đến hoạt động bán hàng	151,547,990,330	89,358,299,007
Chi phí lương, chi phí phục vụ khai thác BH	93,497,812,611	61,065,566,409
Các khoản trích lập bắt buộc theo quy định	2,996,708,569	1,825,604,552
Chi phí khác	248,941,297	519,949,413
Cộng	278,733,657,898	175,187,591,013

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	21,265,078,750	20,196,255,541
Thu lãi đầu tư cổ phiếu, trái phiếu	43,442,855,613	13,249,559,220
<i>Lãi trái phiếu</i>	<i>1,972,557,374</i>	<i>4,667,616,700</i>
<i>Thu lãi đầu tư cổ phiếu</i>	<i>41,470,298,239</i>	<i>8,581,942,520</i>
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5,835,284,623	4,423,664,192
Lãi chênh lệch tỷ giá	1,414,564,462	861,347,860
<i>Lợi nhuận hợp tác kinh doanh</i>	<i>15,000,890,410</i>	
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2,840,416,555	20,157,083,333
	89,799,090,413	58,887,910,146

25. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá	341,940,538	815,613,121
Chi phí kinh doanh chứng khoán	7,786,229,790	7,814,949,849
Chi phí dự phòng đầu tư tài chính	(4,560,967,326)	(221,358,001)
Chi phí lãi vay	173,333,333	2,956,784,988
Chi phí hoạt động tài chính khác	208,199,867	6,733,768
	3,948,736,202	11,372,723,725

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đông Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	(Phân loại lại) VND
Chi phí nhân viên quản lý, chi có tính chất phúc lợi	46,775,718,664	29,487,832,723
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22,979,218,219	15,940,392,680
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	(1,679,940,952)	(1,469,973,361)
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,933,625,307	1,827,429,446
Chi phí dụng cụ văn phòng	3,912,198,990	2,944,921,450
Chi phí vật liệu quản lý	1,572,138,820	1,795,395,969
Thuế, phí và lệ phí	733,666,814	799,045,339
Chi phí Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cổ đông	632,710,232	575,183,309
Chi phí quản lý khác	667,834,710	196,221,486
	77,527,170,804	52,096,449,041

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành		
Lợi nhuận trước thuế	18,694,100,001	6,137,903,096
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(5,835,284,623)	(4,423,664,192)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1,135,354,308	(106,467,142)
Thu nhập chịu thuế	13,994,169,686	1,607,771,762
Thuế suất thông thường	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	2,798,833,937	321,554,352
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế TNDN của năm hiện hành	314,892,575	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3,113,726,512	

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***28. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu từ báo cáo tài chính năm cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Nội dung	Mã số	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016		
		Số đã báo cáo VND	Phân loại lại VND	Số sau phân loại lại VND
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
1. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17	184,407,118,433	(9,219,527,420)	175,187,591,013
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2	163,387,746,272	(9,219,527,420)	154,168,218,852
2. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	42,876,921,621	9,219,527,420	52,096,449,041
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ				
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(777,919,609,827)	192,324,282,261	(585,595,327,566)
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(192,324,282,261)	(192,324,282,261)

Nguyễn Thị Thu Hương
Người lập biểuNguyễn Hoàng Mai
Kế toán trưởngNguyễn Thành Quang
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2018



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

Số: 144 /BHKK - TCKT
Vv Giải trình chênh lệch kết quả
kinh doanh Q4/2017

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 25 tháng 1 năm 2018

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Căn cứ quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đối với công ty đại chúng quy mô lớn, Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không xin được giải trình báo cáo kết quả kinh doanh Quý 4 năm 2016 có sự biến động trên 5% so kết quả kinh doanh trong báo cáo tài chính Quý 4 năm 2017 như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017 (Số theo báo cáo tài chính Quý 4)	Năm 2016 (Số theo báo cáo tài chính Quý 4)	Biến động tăng
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN của Báo cáo tài chính	22.778	4.053	18.725

Nguyên nhân: Năm 2017, Tổng công ty thực hiện tăng vốn và cơ cấu các khoản đầu tư tài chính do đó lợi nhuận gộp hoạt động tài chính tăng làm tăng lợi nhuận sau thuế.

Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước được biết.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCKT.



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thành Quang